

Đánh giá hoạt động của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Trần Trọng Phương¹, Đỗ Thị Tám¹, Nguyễn Đình Trung¹, Trần Văn Tiến²,
Khổng Ngọc Thuận³, Nguyễn Đức Cường²

¹Học viện Nông nghiệp Việt Nam

²Bộ Tài nguyên và Môi trường

³Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc

Assessment of the performance of the Land Registration Office Branch in Vinh Yen city, Vinh Phuc province

Tran Trong Phuong¹, Do Thi Tam¹, Nguyen Dinh Trung¹, Tran Van Tien²,
Khong Ngoc Thuan³, Nguyen Duc Cuong²

¹Vietnam National University of Agriculture

²Ministry of Natural Resources and Environment

³Vinh Phuc Department of Natural Resources and Environment

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.13.1.2024.133-143>

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai (CNVPĐKĐĐ) thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Sử dụng phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên để chọn 30 cán bộ công chức, viên chức với 4 nhóm tiêu chí và 13 tiêu chí đánh giá; chọn 150 người sử dụng đất (NSDD) đến làm việc tại CNVPĐKĐĐ với 8 tiêu chí đánh giá. Sử dụng thang đo 5 mức của Likert để đánh giá hoạt động của CNVPĐKĐĐ. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong thực hiện nhiệm vụ của CNVPĐKĐĐ vẫn còn một số tồn tại như: xử lý hồ sơ chậm; chưa xử lý dứt điểm các hồ sơ khó... Cán bộ công chức đánh giá 12/13 tiêu chí ở mức rất tốt, chỉ có 1 tiêu chí đánh giá ở mức tốt. Người sử dụng đất đánh giá 3/8 tiêu chí ở mức rất tốt; 5/8 tiêu chí ở mức tốt. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của CNVPĐKĐĐ cần thực hiện các giải pháp sau: tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện cơ sở vật chất, xây dựng khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) đất đai, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường tuyên truyền và phổ biến kiến thức pháp luật.

ABSTRACT

The study aims to assess the current situation and propose solutions to improve the operational efficiency of the Land Registration Office Branch (LROB) in Vinh Yen city, Vinh Phuc province. Using a random sampling method to select 30 civil servants and public employees with 4 groups of criteria and 13 evaluation criteria; Select 150 land users (land users) to work at LROB with 8 evaluation criteria. Use a Likert's 5-level scale to evaluate the activities of employees. Research results show that in performing the duties of LROB there were still some shortcomings such as slow processing; hard cases have not been completed... Civil servants have assessed 12/13 criteria at a very good level, and only 1 criterion rated at a good level. The land users have rated 3/8 criteria as a very good level; and 5/8 criteria as a good level. To improve the operational efficiency of LROB, it is necessary to implement the following solutions: strengthen state management of land, promote the application of information technology, improve physical facilities, build and exploit infrastructure land database, implement online public services, improve the quality of human resources, strengthening propaganda, and dissemination legal knowledge.

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 27/11/2023

Ngày phản biện: 29/12/2023

Ngày quyết định đăng: 19/01/2024

Từ khóa:

người sử dụng đất, quản lý đất đai, thành phố Vinh Yên, Văn phòng Đăng ký đất đai.

Keywords:

land management, Land Registration Office Branch, land users, Vinh Yen city.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước. Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến việc đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất (Ban chấp hành Trung Ương, 2022) [1]. Đăng ký đất đai (ĐKĐĐ), nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất là một công cụ quan trọng để bảo vệ lợi ích Nhà nước, lợi ích cộng đồng cũng như lợi ích của công dân trong sử dụng đất (SDĐ). Theo Điều 95 Luật Đất đai 2013, ĐKĐĐ là bắt buộc đối với NSĐĐ và người được giao đất để quản lý còn đăng ký quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thực hiện theo yêu cầu của chủ sở hữu (Quốc hội, 2013) [2]. Chức năng và nhiệm vụ của VPĐKĐĐ được quy định tại Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC [3], đây là đơn vị sự nghiệp công, là cơ quan trực tiếp giải quyết các thủ tục hành chính (TTHC) về đất đai phục vụ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp, đưa quyền sử dụng đất (QSDĐ), quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tham gia vào thị trường bất động sản, là bộ phận quan trọng, thiết yếu góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, đây cũng là cơ quan thiết lập, quản lý hệ thống hồ sơ địa chính, CSDL đất đai để Nhà nước đạt được mục tiêu “nắm chắc”, “quản chặt” đất đai.

Vinh Yên là thành phố trực thuộc tỉnh, là trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh Vinh Phúc, là trung tâm kinh tế trọng điểm, đầu mối giao thông quan trọng của vùng kinh tế Bắc Bộ. Thành phố có diện tích tự nhiên là 5.039,20 ha gồm 8 phường và 1 xã. Những năm gần đây, kinh tế xã hội của thành phố phát triển mạnh, nhu cầu về đất đai cho các mục tiêu phát triển ngày càng tăng. CNVPĐKĐĐ thành phố Vinh Yên trực thuộc VPĐKĐĐ tỉnh Vinh Phúc được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 [4] và Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày

27/04/2018 của UBND tỉnh Vinh Phúc [5]. Từ khi thành lập đến nay CNVPĐKĐĐ thành phố Vinh Yên đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương. Nhu cầu ĐKĐĐ rất lớn đòi hỏi CNVPĐKĐĐ không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động. Vì vậy, đánh giá thực trạng hoạt động của CNVPĐKĐĐ thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của CNVPĐKĐĐ là rất cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập số liệu: số liệu thứ cấp được thu thập từ CNVPĐKĐĐ, Phòng TN&MT thành phố Vinh Yên và các nghiên cứu từ trước. Số liệu sơ cấp được thu thập năm 2022. Điều tra 150 NSĐĐ. Phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên từ NSĐĐ đã đến làm việc tại CNVPĐKĐĐ ít nhất 1 lần trong giai đoạn 2018-2022. Để đảm bảo độ tin cậy thống kê, tiến hành điều tra 30 công chức, viên chức, gồm: cán bộ tại CNVPĐKĐĐ, cơ quan thuế và tài chính; cán bộ địa chính.

Phương pháp xử lý số liệu: số liệu được xử lý bằng Excel và SPSS. Hoạt động của CNVPĐKĐĐ thành phố Vinh Yên được đánh giá thông qua việc so sánh kết quả hoạt động với chức năng nhiệm vụ được giao. Sử dụng thang đo 5 mức của Likert (Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008; Likert, 1932) [6, 7] để đánh giá hoạt động của CNVPĐKĐĐ thành phố Vinh Yên. Với 5 mức độ, tương ứng với 5 điểm từ: rất cao/rất tốt/rất đầy đủ/rất nhanh/rất dễ: 5; cao/tốt/đầy đủ/nhanh/dễ: 4; trung bình: 3; thấp/kém/thiếu/chậm/khó: 2; rất thấp/rất kém/rất thiếu/rất chậm/rất khó: 1. Chỉ số đánh giá chung là số bình quân của số lượng người trả lời và hệ số của từng mức độ. Thang đánh giá chung là: rất cao: $\geq 4,20$; cao: từ 3,40 - < 4,20; trung bình: từ 2,60 - < 3,40; thấp: từ 1,80 - < 2,60; rất thấp: $\leq 1,80$.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động CNVPĐKĐĐ thành phố Vinh Yên

VPĐKĐĐ tỉnh Vĩnh Phúc được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 và Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 27/04/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở bàn giao nguyên trạng biên chế, người lao động, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng làm việc của VPĐKĐĐ thuộc Sở TN&MT và các CNPĐKĐĐ cấp huyện thuộc phòng TN&MT các huyện, thành phố. VPĐKĐĐ tỉnh có Ban Giám đốc (gồm 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc) và 04 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Đăng ký và cấp GCN, Phòng Kỹ thuật địa chính, Phòng Thông tin lưu trữ). Ngoài ra, các tổ, đội được thành lập trên cơ sở công việc thực tế. Các tổ đội trực thuộc phòng chuyên môn. Có 09 Chi nhánh trực thuộc đặt trên địa bàn 09 huyện, thành phố. VPĐKĐĐ có 233 viên chức, người lao động hợp đồng, trong đó: 64 biên chế (có 61 viên chức và 03 hợp đồng 68); 169 lao động hợp đồng [8].

CNPĐKĐĐ thành phố Vĩnh Yên thuộc VPĐKĐĐ tỉnh Vĩnh Phúc là đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm kinh phí một phần, trong đó có thực hiện một số nội dung công việc liên quan đến thủ tục hành chính (TTHC) mang tính dịch vụ công trong các giao dịch có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của NSDĐ, sở hữu tài sản gắn liền với đất. Tổng số viên chức, người lao động là 21 người, gồm: 03 viên chức, 18 hợp đồng. Có 01 giám đốc, 02 phó giám đốc và 18 nhân viên. Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ gồm: 05 người trình độ thạc sỹ, 16 người có trình độ đại học; 18 người được đào tạo chuyên ngành quản lý đất đai, 03 người theo chuyên ngành khác. CNPĐKĐĐ thành phố Vĩnh Yên đã phân công nhiệm vụ cho từng cán bộ, viên chức, người lao động theo vị trí việc làm. Có 03 bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ: bộ phận Hành chính - Tổng hợp; bộ phận Đăng ký và cấp GCN; bộ phận Kỹ thuật [9].

3.2. Kết quả hoạt động của CNPĐKĐĐ thành phố Vĩnh Yên

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế hoạt động và cơ chế tài chính của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai được thực hiện theo Thông tư số 15/2015/TTLT/BTNMT-BNV-BTC ngày 04/04/2015 của Bộ TN&MT, Bộ Nội vụ và Bộ Tài Chính [3]. Theo đó, kết quả hoạt động của CNPĐKĐĐ thành phố Vĩnh Yên đạt được như sau:

- *Thực hiện công tác đăng ký QSDĐ và cấp GCN*

Trong giai đoạn 2018 – 2022 [9], tổng số hồ sơ liên quan đến cấp GCNQSDĐ là 32.902 hồ sơ, số hồ sơ được ký GCN là 30.593 hồ sơ, đạt 92,98% tổng số hồ sơ. Trong đó, năm 2022 có tổng số hồ sơ tiếp nhận nhiều nhất với 7.723 hồ sơ và 7.109 hồ sơ được ký GCN. Năm 2020 tiếp nhận số hồ sơ là ít nhất với 5.104 hồ sơ và 4.653 hồ sơ được ký GCN, đạt tỷ lệ thấp nhất so với các năm còn lại (91,16%). Tuy nhiên vẫn còn tồn đọng 2.309 hồ sơ bị trả về và hồ sơ do công dân rút về, chiếm 7,02% tổng số hồ sơ, năm 2020 là năm có tỷ lệ hồ sơ trả về là cao nhất với 8,84% tổng số hồ sơ. Các hồ sơ bị trả về phần lớn do nguyên nhân: không đảm bảo điều kiện tách thửa đất ở tối thiểu theo quy định của UBND tỉnh Vĩnh Phúc; trả lại để xác minh làm rõ nguồn gốc sử dụng đất; bản đồ địa chính thành phố Vĩnh Yên đã được đo đạc gần 20 năm nên đã biến động khá nhiều, tuy nhiên quá trình cập nhật, chỉnh lý bản đồ qua các thời kỳ có nhiều thiếu sót về thông tin chủ SDĐ và ranh giới thửa đất dẫn đến dữ liệu không gian và thuộc tính không đầy đủ, hiện trạng SDĐ chưa phù hợp với bản đồ đang quản lý. Năm 2020 có tỷ lệ trả về cao nhất và số lượng hồ sơ tiếp nhận thấp nhất ngoài nguyên nhân do chưa đầy đủ thủ tục pháp lý còn do nguyên nhân khách quan là tình hình diễn biến dịch Covid -19 diễn ra phức tạp trên diện rộng.

Bảng 1. Kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giai đoạn 2018 - 2022

TT	Năm	Tổng hồ sơ tiếp nhận	Hồ sơ được ký GCN		Hồ sơ trả về	
			Số hồ sơ	Tỷ lệ (%)	Số hồ sơ	Tỷ lệ (%)
1	2018	6.634	6.213	93,65	421	6,35
2	2019	6.874	6.407	93,21	467	6,79
3	2020	5.104	4.653	91,16	451	8,84
4	2021	6.567	6.211	94,58	356	5,42
5	2022	7.723	7.109	92,05	614	7,95
Tổng		32.902	30.593	92,98	2.309	7,02

Nguồn: CNVPĐKĐĐ thành phố Vinh Yên (2022)[7]

Bảng 2. Tổng hợp các hình thức được cấp GCNQSDĐ giai đoạn 2018 – 2022

Năm	Cấp lần đầu		Cấp do thực hiện các quyền SĐĐ		Cấp đổi, cấp lại		Tách thửa, hợp thửa		Tổng	
	Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)
2018	417	4,70	4.172	52,30	1.044	15,20	580	18,50	6.213	90,70
2019	720	8,20	4.600	58,60	566	6,80	521	17,60	6.407	91,20
2020	355	4,10	3.411	42,30	464	5,40	423	12,40	4.653	64,20
2021	452	5,20	5.183	59,90	424	5,10	152	5,20	6.211	75,40
2022	580	6,38	5.210	78,15	1.127	13,52	192	2,00	7.109	100,05
Tổng	2.524	28,58	22.576	291	3.625	46,02	1.868	55,70	30.593	421,55

Nguồn: CNVPĐKĐĐ thành phố Vinh Yên (2022) [9]

Trong tổng số 30.593 hồ sơ được ký GCN QSDĐ (tương ứng với 421,55 ha) tập trung chủ yếu qua 4 hình thức: cấp lần đầu, cấp do thực hiện các QSDĐ, cấp đổi cấp lại, tách thửa hợp thửa. Hình thức cấp do thực hiện các QSDĐ là chủ yếu với 22.576 hồ sơ, chiếm 73,79% tổng số hồ sơ được cấp GCN QSDĐ. Năm 2019, tổng số hồ sơ được cấp GCN QSDĐ lần đầu là lớn nhất với 720 hồ sơ. Năm 2021 và 2022 có số hồ sơ cấp giấy GCN QSDĐ do thực hiện các QSDĐ cao hơn những năm khác với lần lượt là 5.183 hồ sơ và 5.210 hồ sơ. Các trường hợp cấp đổi cấp lại GCN QSDĐ năm 2018 và năm 2022 là cao nhất với 1.044 hồ sơ và 1.127 hồ sơ. Các trường hợp được cấp GCN QSDĐ do tách thửa, hợp thửa tập trung nhiều vào 2 năm 2018 và 2019 (lần lượt là 580 hồ sơ và 521 hồ sơ). Số lượng hồ sơ có xu hướng tăng lên, đặc biệt có sự rõ rệt giữa giai đoạn dịch

bệnh và giai đoạn sau dịch bệnh (đặc biệt việc thực hiện các QSDĐ, trong đó có quyền chuyển nhượng đất đai). Số GCN QSDĐ do cấp đổi, cấp lại của CNVPĐKĐĐ Vinh Yên chiếm 8,43% tổng số được cấp ở cấp huyện. Số GCN QSDĐ được cấp lần đầu của CNVPĐKĐĐ Vinh Yên chiếm 15,86% tổng số được cấp ở cấp huyện.

- *Thực hiện công tác đăng ký biến động về SĐĐ:* Trong giai đoạn 2018 - 2022, tổng số hồ tiếp nhận liên quan đến đăng ký biến động là 61.025 hồ sơ, trong đó đăng ký biến động liên quan thực hiện các QSDĐ, hồ sơ đăng ký giao dịch đảm bảo tập trung chủ yếu với lần lượt 24.885 hồ sơ và 28.735 hồ sơ (tương ứng với 40,78% và 47,09% tổng số hồ sơ).

CNVPĐKĐĐ Vinh Yên là chi nhánh đứng đầu trong cả tỉnh về tỷ lệ tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

Bảng 3. Tổng hợp hồ sơ đăng ký biến động đất đai được tiếp nhận giai đoạn 2018 - 2022

TT	Loại hình đăng ký biến động đất đai	Năm					Tổng số
		2018	2019	2020	2021	2022	
1	Hồ sơ về việc thực hiện các QSDĐ	4.593	5.067	3.862	5.539	5.824	24.885
2	Hồ sơ tách thửa, hợp thửa	603	540	444	167	206	1.960
3	Hồ sơ cấp đổi, cấp lại GCN	1.100	608	510	491	1.244	3.953
4	Cấp GCN do được NN giao, trúng đấu giá QSDĐ	374	393	168	229	328	1.492
5	Hồ sơ đăng ký giao dịch đảm bảo	5.528	5.058	5.905	6.652	5.592	28.735
Tổng		12.198	11.666	10.889	13.078	13.194	61.025

Nguồn: CNVPĐKĐĐ thành phố Vinh Yên (2022) [9]

Trong giai đoạn 2018 – 2022 [9], CNVPĐKĐĐ đã tiếp nhận 24.885 hồ sơ đăng ký thực hiện QSDĐ (tập trung vào quyền chuyển nhượng đất đai) và đã giải quyết 22.576 hồ sơ, đạt tỉ lệ 90,72% còn lại 9,28% (tương ứng với 2.309 hồ sơ) chưa được giải quyết chủ yếu cho tình trạng pháp lý của thửa đất đang có tranh chấp hoặc nằm trong vùng quy hoạch. So với kết quả thực hiện cấp tỉnh, CNVPĐKĐĐ Vinh Yên chiếm

13,82% tổng số hồ sơ tiếp nhận và chiếm 12,86% số hồ được giải quyết ở cấp huyện. Các hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các quyền liên tục tăng qua các năm, chứng tỏ việc giao dịch về đất đai càng trở nên sôi động dưới tác động của phát triển kinh tế - xã hội. Kết quả này phản ánh những nỗ lực của việc cải cách TTHC và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công trong thời gian vừa qua của thành phố.

Bảng 4 . Kết quả giải quyết hồ sơ đăng ký việc thực hiện các QSDĐ giai đoạn 2018 - 2022

Năm	Hồ sơ đã nhận	Hồ sơ đã giải quyết	Hồ sơ trả về	Tỷ lệ đã giải quyết (%)
2018	4.593	4.172	421	90,83
2019	5.067	4.600	467	90,78
2020	3.862	3.411	451	88,32
2021	5.539	5.183	356	93,57
2022	5.824	5.210	614	89,46
Tổng	24.885	22.576	2.309	90,72

Nguồn: CNVPĐKĐĐ thành phố Vinh Yên (2022) [9]

Trong giai đoạn này, CNVPĐKĐĐ đã tiếp nhận 1.960 hồ sơ đăng ký về tách thửa, hợp thửa và đã giải quyết 1.868 hồ sơ, đạt tỷ lệ

95,31% còn lại 4,69 % (tương ứng với 92 hồ sơ) chưa được giải quyết chủ yếu cho tình trạng pháp lý của thửa đất chưa đầy đủ.

Bảng 5. Kết quả giải quyết hồ sơ đăng ký về tách thửa, hợp thửa giai đoạn 2018 - 2022

Năm	Hồ sơ đã nhận	Hồ sơ đã giải quyết	Hồ sơ trả về	Tỷ lệ đã giải quyết (%)
2018	603	580	23	96,19
2019	540	521	19	96,48
2020	444	423	21	95,27
2021	167	152	15	91,02
2022	206	192	14	93,20
Tổng	1.960	1.868	92	95,31

Giai đoạn 2018 – 2022 [9], CNVPĐKĐĐ đã tiếp nhận 28.735 hồ sơ liên quan đến giao dịch đảm bảo và đã giải quyết 28.635 hồ sơ đăng ký giao dịch đảm bảo, đạt 99,65%. Trong các hồ sơ giao dịch đảm bảo được giải quyết có 15.800 trường đăng ký thế chấp (chiếm

55,18%) và 12.275 trường hợp xóa thế chấp (chiếm 42,87%). Số hồ sơ đăng ký giao dịch đảm bảo tăng qua các năm cho thấy nhu cầu vay vốn thông qua thế chấp bằng QSDĐ của người dân tại thành phố là rất lớn.

Bảng 6. Kết quả giải quyết hồ sơ đăng ký giao dịch bảo đảm giai đoạn 2018 - 2022

Năm	Hồ sơ đã nhận	Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ trả về	Tỷ lệ đã giải quyết (%)
		Tổng	Đăng ký thế chấp	Đăng ký xóa thế chấp	Đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký thế chấp		
2018	5.528	5.503	3,081	2,318	104	25	99,55
2019	5.058	5.039	2,799	2,153	87	19	99,62
2020	5.905	5.887	3,181	2,578	128	18	99,70
2021	6.652	6.628	3,679	2,818	131	24	99,64
2022	5.592	5.578	3,060	2,408	110	14	99,75
Tổng	28.735	28.635	15,800	12,275	560	100	99,65

- *Thực hiện lập và quản lý HSĐC:* ứng dụng phần mềm chuyên ngành (Mapinfo, MicroStation, ViLIS...) trong việc quản lý, SDD vào một số nhiệm vụ chuyên môn của ngành, như: đo đạc, thành lập bản đồ địa chính, chỉnh lý biến động, cấp GCNQSDĐ, thống kê, kiểm kê đất đai, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, rút ngắn được thời gian. HSĐC bao gồm: bản đồ địa chính; sổ địa chính; sổ

mục kê; sổ theo dõi biến động đất đai. Tỷ lệ bản đồ 1:500 đối với diện tích đất khu dân cư gồm 358 tờ bản đồ; tỷ lệ 1:1000 là đo đạc diện tích đất nông nghiệp gồm 168 tờ bản đồ trên địa bàn thành phố. Bản đồ số là nguồn tư liệu quan trọng giúp việc quản lý, theo dõi biến động đất đai cũng như thực hiện giải quyết các vấn đề liên quan đến đất đai.

Bảng 7. Thống kê số lượng bản đồ địa chính của thành phố Vĩnh Yên

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số tờ bản đồ theo tỷ lệ (1:500)	Tổng số tờ bản đồ theo tỷ lệ (1:1000)
1	Phường Tích Sơn	47	18
2	Phường Liên Bảo	58	23
3	Phường Hội Hợp	37	14
4	Phường Đống Đa	37	14
5	Phường Ngô Quyền	28	21
6	Phường Đồng Tâm	24	19
7	Phường Khai Quang	24	19
8	Phường Định Trung	44	17
9	Xã Thanh Trù	59	23
	Tổng	358	168

- *Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khác:* CNVPĐKĐĐ đã thực hiện tốt và đúng quy định công tác cung cấp số liệu địa chính cho Chi cục thuế để xác định mức thu tiền SDD, tiền thuê đất, các loại thuế có liên quan đến đất đai và tài sản gắn liền với đất khi NSDD nộp hồ sơ cấp GCNQSDĐ mà chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính. Công tác tổng hợp, theo dõi giải quyết đơn thư được thực hiện thường xuyên, trả lời công dân đúng thời hạn quy định; phối hợp

với các cán bộ phòng TN&MT, UBND cấp xã để giải quyết tranh chấp, đề xuất trả lời các đơn kiến nghị, phản ánh, đơn thư khiếu nại tố cáo của các đối tượng trên địa bàn thành phố thuộc thẩm quyền giải quyết của CNVPĐKĐĐ thành phố Vĩnh Yên.

3.3. Đánh giá hoạt động của CNVPĐKĐĐ thành phố Vĩnh Yên

3.3.1. Đánh giá của cán bộ về hoạt động của CNVPĐKĐĐ

Hoạt động của CNVPĐKĐĐ TP. Vĩnh Yên được đánh giá thông qua kết quả điều tra 30

cán bộ công chức, viên chức (Bảng 8).

Bảng 8. Tổng hợp đánh giá của cán bộ về hoạt động của CNVPĐKĐĐ thành phố Vĩnh Yên

TT	Nội dung điều tra	KQ điều tra	Tỷ lệ (%)
1	Công khai TTHC	30	100
-	Công khai rất đầy đủ	14	46,67
-	Công khai đầy đủ	11	36,67
-	Công khai mức trung bình	5	16,66
-	Công khai ít	0	0
-	Công khai rất ít	0	0
	Đánh giá chung	4,30	
2	Về điều kiện làm việc của VPĐKĐĐ	30	100
-	Rất tốt	8	26,66
-	Tốt	20	66,67
-	Trung bình	2	6,67
-	Kém	0	0
-	Rất kém	0	0
	Đánh giá chung	4,20	
3	Về phương tiện kỹ thuật của CNVPĐKĐĐ	30	100
-	Rất tốt	3	10,00
-	Tốt	19	63,33
-	Trung bình	8	26,67
-	Kém	0	0
-	Rất kém	0	0
	Đánh giá chung	3,83	
4	Sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan	30	100
-	Rất tốt	11	36,67
-	Tốt	11	36,67
-	Trung bình	8	26,66
-	Kém	0	0
-	Rất kém	0	0
	Đánh giá chung	4,10	
5	Hiểu biết pháp luật đất đai của người dân	30	100
-	Rất tốt	12	40,00

Kết quả Bảng 8 cho thấy, có 3/8 tiêu chí được đánh giá ở mức rất cao, đó là: công khai TTHC, điều kiện làm việc, về số lượng cán bộ hiện tại của CNVPĐKĐĐ. Có 5/8 tiêu chí được đánh giá ở mức cao, đó là phương tiện kỹ

TT	Nội dung điều tra	KQ điều tra	Tỷ lệ (%)
-	Tốt	10	33,34
-	Trung bình	8	26,66
-	Kém	0	0
-	Rất kém	0	0
	Đánh giá chung	4,13	
6	Về số lượng cán bộ hiện tại của CNVPĐKĐĐ	30	100
-	Đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao	11	36,67
-	Đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ được giao	14	46,67
-	Đảm bảo hoàn thành 30-50% các nhiệm vụ được giao	5	16,66
-	Đảm bảo hoàn thành từ 20-30% nhiệm vụ được giao	0	0
-	Không đảm bảo để thực hiện các nhiệm vụ được giao	0	0
	Đánh giá chung	4,20	
7	Về các văn bản hướng dẫn thực hiện	30	100
-	Rất đầy đủ	10	33,33
-	Đầy đủ	11	36,67
	Trung bình	9	30,00
	Thiếu	0	0
-	Rất thiếu	0	0
	Đánh giá chung	4,00	
8	Về hệ thống HSĐC	30	100
-	Rất tốt	6	20,00
-	Tốt	14	46,67
-	Trung bình	10	33,33
-	Kém	0	0
-	Rất kém	0	0
	Đánh giá chung	3,87	

thuật của CNVPĐKĐĐ, sự phối hợp giữa các bên liên quan, các văn bản hướng dẫn thực hiện, hệ thống HSĐC, hiểu biết pháp luật đất đai của người dân. Cụ thể: về mức độ công khai TTHC với 25/30 phiếu (đạt 83,34%) đánh

giá ở mức công khai rất đầy đủ và đầy đủ; điều kiện làm việc được đánh giá với 28/30 phiếu (đạt 93,33%) đánh giá ở mức tốt đến rất tốt; về phương tiện kỹ thuật với 22/30 phiếu (đạt 73,33%) đánh giá ở mức tốt đến rất tốt. Tỷ lệ này tương ứng với kết quả nghiên cứu tại thành phố Ninh Bình của Nguyễn Thị Hồng Hạnh và cộng sự (2022) [10]. Có 22/30 số cán bộ trả lời sự phối hợp giữa các cơ quan ở mức tốt và rất tốt (chiếm 73,34%); đánh giá về sự hiểu biết của người dân có 22/30 cán bộ đánh giá ở mức tốt đến rất tốt; về số lượng cán bộ hiện tại của CNVPĐKĐĐ có 25/30 cán bộ đánh giá ở mức hoàn thành đến hoàn thành tốt

công việc; về các văn bản hướng dẫn thực hiện với 21/30 cán bộ đánh giá ở mức đầy đủ đến rất đầy đủ, tương ứng với kết quả nghiên cứu tại huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương của Đỗ Thị Tám và cộng sự [11]; về hệ thống HSĐC với 20/30 cán bộ đánh giá ở mức tốt đến rất tốt, tỷ lệ này tương ứng với kết quả nghiên cứu tại thành phố Ninh Bình của Nguyễn Thị Hồng Hạnh và cộng sự (2022) [10].

3.3.2. Đánh giá của người dân về hoạt động của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

Kết quả đánh giá hoạt động của CNVPĐKĐĐ thành phố Vĩnh Yên được thể hiện trong Bảng 9.

Bảng 9. Đánh giá của người sử dụng đất về hoạt động của CNVPĐKĐĐ

TT	Tiêu chí đánh giá	Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng	Tổng số phiếu	Chỉ số đánh giá
I	Đánh giá về việc tiếp cận dịch vụ hành chính công							
1	Nơi ngồi chờ thực hiện DVHC	0	0	3	39	108	150	4,70
2	Trang thiết bị thực hiện DVHC đầy đủ	0	0	3	0	147	150	4,96
3	Trang thiết bị thực hiện DVHC hiện đại	0	0	0	24	126	150	4,84
II	Đánh giá về TTHC							
1	Công khai TTHC	0	0	2	11	137	150	4,90
2	Phí/lệ phí phải nộp	0	0	0	150	0	150	4,00
3	Thời gian giải quyết hồ sơ	0	10	0	41	99	150	4,53
III	Đánh giá về hài lòng của người dân về sự phục vụ của công chức							
1	Thái độ giao tiếp	0	0	0	0	150	150	5,00
2	Thái độ giải đáp ý kiến của người SDĐ	0	0	0	4	146	150	4,97
3	Hướng dẫn kê khai hồ sơ	0	0	0	0	150	150	5,00
4	Tuân thủ quy định giải quyết công việc	0	4	0	73	73	150	4,43
IV	Đánh giá về kết quả giải quyết công việc							
1	Kết quả giải quyết đúng quy định	0	9	5	22	114	150	4,61
2	Kết quả có thông tin đầy đủ	0	0	0	10	140	150	4,93
3	Kết quả có thông tin chính xác	0	5	0	28	117	150	4,71

Kết quả Bảng 9 cho thấy: Nhóm tiêu chí về việc tiếp cận dịch vụ hành chính công được đánh giá qua 3 tiêu chí, kết quả đánh giá của cả 3 tiêu chí đều ở mức rất cao, cụ thể: có 108/150 phiếu đánh giá nơi ngồi chờ thực hiện dịch vụ hành chính (DVHC) ở mức rất hài lòng, còn 3/150 phiếu đánh giá ở mức bình thường (họ cho rằng chỗ ngồi chật chội, nhiều lúc đông quá không có chỗ ngồi); 147/150 phiếu đánh giá trang thiết bị thực hiện DVHC ở mức rất đầy đủ; 126/150 phiếu đánh giá

trang thiết bị thực hiện DVHC ở mức rất hiện đại. Đây là một trong những tiêu chí giúp việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết hồ một cách nhanh chóng, kịp thời. Nhóm tiêu chí đánh giá về TTHC được đánh giá 3 tiêu chí, trong đó 1/3 tiêu chí đánh giá ở mức hài lòng, 2/3 tiêu chí đánh giá ở mức rất hài lòng, cụ thể: có 137/150 phiếu đánh giá công khai thủ TTHC ở mức rất hài lòng thể hiện bằng việc các thủ tục này được công khai rất đầy đủ giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin khi đến làm việc;

150/150 phiếu đánh giá mức lệ phí/phí phải nộp ở mức hài lòng và theo họ là phù hợp; 99/150 phiếu đánh giá thời gian giải quyết hồ sơ ở mức rất hài lòng, họ cho rằng thời gian giải quyết hồ sơ nhanh và theo đúng quy định. Nhóm tiêu chí đánh giá về về hài lòng của người dân về sự phục vụ của công chức được đánh giá 4 tiêu chí, trong đó tất cả các tiêu chí đánh giá ở mức rất hài lòng, cụ thể: có 150/150 phiếu đánh giá về thái độ giao tiếp và hướng dẫn kê khai thủ tục ở mức rất hài lòng; 146/150 phiếu đánh giá thái độ giải đáp ý kiến của NSDD ở mức rất hài lòng; 73/150 phiếu đánh giá tuân thủ quy định giải quyết công việc ở mức rất hài lòng. Nhóm tiêu chí đánh giá về kết quả giải quyết công việc được đánh giá qua 3 tiêu chí, kết quả đánh giá của cả 3 tiêu chí đều ở mức rất hài lòng, cụ thể: có 114/150 phiếu đánh giá kết quả giải quyết đúng quy định ở mức rất hài lòng; 140/150 phiếu đánh giá kết quả có thông tin đầy đủ ở mức rất đầy đủ; 117/150 phiếu đánh giá kết quả có thông tin chính xác ở mức rất hài lòng.

3.3.3. Một số tồn tại

Bên cạnh kết quả đạt được, hoạt động của CNVPĐKĐĐ thành phố Vĩnh Yên còn một số hạn chế như: vẫn còn một số hồ sơ chậm xử lý, vẫn để xảy ra tình trạng người dân đi lại nhiều lần bổ sung hồ sơ và hỏi kết quả, gây ra bức xúc; việc xin lỗi công dân khi giải quyết hồ sơ chậm hạn chưa được thực hiện đầy đủ, số lượng xin lỗi bằng văn bản còn ít. Một số ít cán bộ trẻ chưa chủ động tìm tòi, nghiên cứu để giải quyết hồ sơ khó... ý thức tự học hỏi trang bị kiến thức cho bản thân còn hạn chế, thậm trí ngại thay đổi, ứng dụng công nghệ mới vào giải quyết công việc chuyên môn. Nguyên nhân của những tồn tại là:

Đa số viên chức, người lao động của CNVPĐKĐĐ đều là cán bộ trẻ (tuổi đời của cán bộ Chi nhánh là từ 26-42 tuổi), chưa có nhiều kinh nghiệm trong giải quyết các tình huống phức tạp; vẫn còn một số cán bộ chưa hoàn toàn chủ động trong giải quyết công việc chuyên môn, chưa kịp thời nghiên cứu các quy định mới của hệ thống quy định pháp luật

cũng như văn bản hướng dẫn chỉ đạo để giải quyết công việc khi được giao thụ lý hồ sơ; chưa linh động khi giải quyết hồ sơ.

Hàng năm UBND tỉnh Vĩnh Phúc đều bố trí nguồn kinh phí phục vụ cho công tác cấp GCN, lập hồ sơ địa chính. Tuy nhiên cơ sở hạ tầng về quản lý đất đai chưa được đầu tư đúng mức, vừa thiếu vừa lạc hậu như trong quản lý dữ liệu không có hạ tầng kỹ thuật; bản đồ địa chính thành phố Vĩnh Yên đã được đo đạc gần 20 năm nên đã biến động khá nhiều, quá trình cập nhật, chỉnh lý bản đồ qua các thời kỳ chưa được thực hiện đầy đủ nên chưa đáp ứng được tiêu chuẩn của ngành.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc đã được trang bị khá đầy đủ nhưng phòng làm việc còn chật trội, kho lưu trữ hồ sơ chưa đảm bảo đúng theo quy định về quản lý, lưu trữ hồ sơ. Một số trang thiết bị máy móc đã cũ không đảm bảo cho việc sử dụng phần mềm chuyên ngành. Nhu cầu đo đạc, chỉnh lý hồ sơ nhiều nhưng chưa có máy đo riêng.

Trình độ tin học của các cán bộ chuyên môn chưa đảm bảo thực hiện chức năng cung cấp thông tin. Khối lượng hồ sơ nhiều, phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị, nhiều lĩnh vực, trong khi đó số lượng cán bộ có hạn, một số cán bộ chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ năng lực còn hạn chế.

Sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong phối hợp giải quyết TTHC giữa CNVPĐKĐĐ với Phòng TN&MT, Chi cục thuế, UBND cấp xã (cán bộ địa chính) chưa thực hiện nghiêm theo qui chế phối hợp được UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành tại Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND dẫn đến nhiều hồ sơ chậm hạn do lỗi chủ quan của các cơ quan liên quan mà chưa có cơ chế giám sát hiệu quả, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết TTHC.

3.4. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của CNVPĐKĐĐ

Trên quan điểm "QSDĐ là một loại tài sản và hàng hoá đặc biệt nhưng không phải là quyền sở hữu; QSDĐ, tài sản gắn liền với đất được pháp luật bảo hộ. NSDD có quyền và

nghĩa vụ SDD theo quy định của pháp luật” (Ban chấp hành Trung ương, 2022) [1], để nâng cao hiệu quả hoạt động của CNVPĐKĐĐ, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

3.4.1. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai

Củng cố và tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động của CNVPĐKĐĐ để kịp thời phát hiện ra những tồn tại và tìm ra giải pháp khắc phục hiệu quả nhất. Xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động hiệu quả với các ban, ngành đoàn thể có liên quan.

Xây dựng quy chế xử lý nghiêm các trường hợp không thực hiện ĐKĐĐ. Cần quy định mức xử phạt hành chính theo giá trị tài sản không thực hiện đăng ký và lũy kế tăng theo số lần vi phạm. Đồng thời cần mở rộng đối tượng bị xử phạt (cả 2 bên liên quan) với các trường hợp khi chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, góp vốn bằng QSDĐ và trường hợp cho thuê, thế chấp mà không đăng ký biến động QSDĐ.

3.4.2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện cơ sở vật chất, xây dựng khai thác cơ sở dữ liệu đất đai và thực hiện dịch vụ công trực tuyến

Hệ thống thông tin đất đai, CSDL đất đai được vận hành là công cụ hữu hiệu trong công tác quản trị đất đai hiện đại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, hiện đại hóa công tác quản lý, dịch vụ công về đất đai và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

Việc xây dựng CSDL đất đai, cũng như việc tổ chức kết nối, vận hành khai thác, cập nhật CSDL đất đai phục vụ các hoạt động quản lý đất đai thường xuyên, chia sẻ thông tin đất đai cho các cơ quan, tổ chức có liên quan và nâng cao cung cấp dịch vụ công trực tuyến về đất đai cho người dân, doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng yếu của ngành quản lý đất đai trong thời gian hiện nay và tương lai.

Bố trí kho lưu trữ HSĐC đủ, riêng biệt và với

điều kiện, trang thiết bị cần thiết cho việc lưu trữ, khai thác, cập nhật chính lý thường xuyên HSĐC theo quy định. Xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ đáp ứng yêu cầu xây dựng CSDL hiện đại để chia sẻ và cung cấp, trao đổi thông tin kịp thời, chính xác phục vụ cho các ngành, các đối tượng và nâng cấp hệ thống mạng internet, phần mềm và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu thực hiện ĐKĐĐ điện tử ở mọi lúc, mọi nơi.

Cập nhật, chỉnh lý biến động thường xuyên và hoàn thiện hệ thống hồ sơ theo hướng đầy đủ, chính xác, đồng bộ đồng thời tăng cường việc kiểm tra, giám sát chỉnh lý biến động.

3.4.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Cần có kế hoạch đào tạo cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ cao để xử lý các công việc liên quan đảm bảo tính chính xác, nhanh chóng, đồng thời bố trí công việc phù hợp với chuyên môn và năng lực của mỗi người để có thể hoàn thành được nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng cán bộ trong việc xử lý công việc tại địa phương, đặc biệt là việc linh hoạt và giải đáp các thắc mắc của NSDD. Nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ người dân của cán bộ công chức. Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ công chức qua các buổi tập huấn. Đồng thời phải tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xây dựng CSDL địa chính tổng thể, trong cập nhật và chỉnh lý HSĐC cho cán bộ đang công tác tại CNVPĐKĐĐ và cán bộ địa chính cấp xã. Qua đó góp phần nhằm đáp ứng tốt công tác xây dựng và vận hành CSDL đất đai, đảm bảo các hoạt động của CNVPĐKĐĐ kịp thời, chính xác và hiệu quả.

3.4.4. Tăng cường tuyên truyền và phổ biến kiến thức pháp luật đến người dân

Tiếp tục tăng cường và thường xuyên tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai, về TTHC cho các hộ gia đình, cá nhân bằng tất cả các hình thức và phương tiện thông tin. Ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết, đầy đủ và dễ hiểu hơn các quy định pháp luật về

việc thực hiện các quyền của NSDD để người dân hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình và tự nguyện đến đăng ký biến động đất đai theo quy định tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về các hoạt động của mô hình VPĐKĐĐ, chủ trương cải cách TTHC trong quản lý đất đai của Đảng và Nhà nước cũng như quyền và nghĩa vụ của NSDD trong việc đăng ký QSDĐ. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động công tác tại CNVPĐKĐĐ.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong thực hiện nhiệm vụ của CNVPĐKĐĐ thành phố Vĩnh Yên vẫn còn một số tồn tại như: xử lý hồ sơ chậm, chưa xử lý dứt điểm các hồ sơ khó... thiết bị và công nghệ phục vụ xây dựng, quản lý, vận hành CSDL chưa đầy đủ. Sự phối hợp giữa CNVPĐKĐĐ thành phố Vĩnh Yên với các cơ quan, đơn vị trong giải quyết một số TTHC về lĩnh vực đất đai chưa thực sự hiệu quả và thông suốt dẫn đến giải quyết hồ sơ còn chậm. Kết quả điều tra cán bộ về hoạt động CNVPĐKĐĐ cho thấy, có 3/8 tiêu chí được đánh giá ở mức rất cao, đó là: công khai TTHC, điều kiện làm việc, về số lượng cán bộ hiện tại của CNVPĐKĐĐ. Có 5/8 tiêu chí được đánh giá ở mức cao, đó là phương tiện kỹ thuật của CNVPĐKĐĐ, sự phối hợp giữa các bên liên quan, các văn bản hướng dẫn thực hiện, hệ thống hồ sơ địa chính, hiểu biết pháp luật đất đai của người dân.

Kết quả điều tra NSDD cho thấy, hầu hết các chỉ tiêu điều tra đều đánh giá ở mức rất hài lòng. Nhóm tiêu chí về tiếp cận dịch vụ hành chính công được đánh giá qua 3 tiêu chí đều đạt ở mức rất cao. Nhóm tiêu chí về TTHC được đánh giá 3 tiêu chí, trong đó 1/3 tiêu chí đánh giá ở mức hài lòng, 2/3 tiêu chí ở mức rất hài lòng. Nhóm tiêu chí hài lòng của người dân gồm 4 tiêu chí đều được đánh giá ở mức rất hài lòng. Nhóm tiêu chí về kết quả giải quyết công việc gồm 3 tiêu chí đều ở mức rất hài lòng.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của CNVPĐKĐĐ cần thực hiện các giải pháp sau: tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện cơ sở vật chất, xây dựng khai thác CSDL đất đai, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường tuyên truyền và phổ biến kiến thức pháp luật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban chấp hành Trung ương (2022). Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao.
- [2]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). Luật Đất đai 2013. NXB Bản đồ.
- [3]. Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ Nội vụ & Bộ Tài chính (2015). Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên & Môi trường.
- [4]. UBND tỉnh Vĩnh Phúc (2014). Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 về việc thành lập Văn phòng đất đai tỉnh Vĩnh Phúc.
- [5]. UBND tỉnh Vĩnh Phúc (2018). Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 27/04/2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều Quyết số 46/2014/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 về việc thành lập Văn phòng đất đai tỉnh Vĩnh Phúc.
- [6]. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. NXB Thống kê. Hà Nội.
- [7]. Likert R. (1932). A Technique for the Measurement of Attitudes. Archives of Psychology. 140 (55).
- [8]. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc (2022). Báo cáo tổng kết năm 2022, triển khai kế hoạch năm 2023.
- [9]. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Yên (2018, 2019, 2020, 2021, 2022). Báo cáo tổng kết hoạt động của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Yên năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022.
- [10]. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đỗ Thị Tám, Hoàng Xuân Dũng & Hoàng Thị Lan (2022). Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. (7): 133-142. DOI: <https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.2022.7.133-142>
- [11]. Đỗ Thị Tám, Nguyễn Thị Hải Hà & Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2021). Đánh giá hoạt động của văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương. Tạp chí Khoa học Đất. (65): 130-137.